

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Âu
2. Bà Lê Thị Thiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 31/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 15/9/2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Th, sinh ngày 15/4/1985, tại huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh Ch, sinh năm 1965 và bà Lương Thị S, sinh năm 1966; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Văn H, sinh ngày 10/02/1982, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1958 và bà Hà Thị Ch, sinh năm 1959; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lương Văn H1, sinh ngày 16/4/1995, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Ch, sinh năm 1966 và bà Lê Thị H, sinh năm 1973; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lê Văn Đ, sinh ngày 19/4/1996, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1974; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê Văn H2, sinh ngày 25/11/1987, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1967 và bà Vi Thị H, sinh năm 1965; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Lương Ngọc T, sinh ngày 29/11/1985, tại huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn X, sinh năm 1958 và bà Lang Thị Th, sinh năm 1958; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Lê Văn Q, sinh ngày 26/02/2002, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2, sinh năm 1974 và bà Lương Thị H, sinh năm 1978; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Lê Văn H3, sinh ngày 24/11/1995, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Nh, sinh năm 1973 và bà Lê Thị S, sinh năm 1975; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Lê Văn Ch, sinh ngày 10/11/1992, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1965 và bà Vi Thị Nh, sinh năm 1969; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Vi Văn Q, sinh ngày 21/01/1986, tại huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn Th, sinh năm 1964 và bà Vi Thị L, sinh năm 1964; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Vi Hồng Q1, sinh ngày 28/02/1995, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi

cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn Q, sinh năm 1977 và bà Lê Thị Ng, sinh năm 1978; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

12. Phạm Văn H4, sinh ngày 21/10/1994, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1972 và bà Lê Thị T, sinh năm 1972; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

13. Cao Quốc C, sinh ngày 10/01/1999, tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Đức L, sinh năm 1962 và bà Lò Thị Q, sinh năm 1969; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/4/2022, bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn Th và Lê Văn H3:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H:

Bà Lê Thị Thu V - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lang Thị Th1, sinh năm 1985 (Th1)

Nơi cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

- Ông Lê Văn T1, sinh năm 1965 (T1)

Nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

Người làm chứng:

- Anh Lò Văn Th2, sinh năm 1997 (Th2)

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1974 (T2)

Cùng cư trú: Thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; đều có mặt.

- Chị Hoàng Thị Gi, sinh năm 1987 (Gi)

Nơi cư trú: Thôn CL, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 22/3/2022, tại chòi canh của gia đình ông Lê Văn T2, ở khu vực Hón Sét thuộc thôn H, xã GT, huyện LC, Tổ công tác Công an xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh phát hiện, bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa. Tổ công tác đã bắt giữ Lê Văn H, Lương Ngọc T và thu giữ các vật chứng gồm: Thu giữ trên chiếu bạc 1.900.000 đồng; 01 bát sứ ăn cơm; 01 đĩa sứ hình tròn; 04 mảnh giấy hình tròn, đường kính 02cm được cắt từ vỏ bao thuốc lá; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, kiểu loại F7; thu giữ trên người Lê Văn H 5.047.000 đồng; thu giữ trên người Lương Ngọc T 270.000 đồng; thu giữ ở khu vực xung quanh vị trí đánh bạc 02 xe mô tô, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu loại Blade, biển số đăng ký 36H1-069.94; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu loại Sirius, biển số đăng ký 36H1-075.83.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã thu thập, xác định:

Tối ngày 21/3/2022, Lê Văn Th đến dự đám cưới nhà anh Lê Văn Tình ở thôn Húng, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh. Đến hơn 21 giờ cùng ngày, trong lúc ngồi uống nước, Th rủ một số người tham gia đánh bạc. Được Th rủ Lương Ngọc T và Lê Văn Q đồng ý tham gia.

Do thấy ít người tham gia, nên Th gọi điện rủ Lê Văn H ở thôn Chiềng Lăn, xã Giao Thiện, H đồng ý và bảo Th chờ để cùng tham gia. Sau khi nhận lời với Th, H rủ thêm Lương Văn H1, Lê Văn H2, Lê Văn Đ và Lê Văn Ch là người cùng thôn đi lên thôn Húng, xã Giao Thiện để đánh bạc. Khi chuẩn bị đi thì có Lê Văn Hoà đến, biết nhóm của H chuẩn bị đi đánh bạc nên H3 xin đi cùng. Khi đi được một đoạn thì gặp Phạm Văn H4, H4 hỏi H3 “Đi đâu đấy”, H3 nói “Đi lên Húng chơi”, nghe thấy vậy H4 xin đi cùng và ngồi sau xe của H3 để đến thôn Húng. Khoảng 23 giờ cùng ngày, nhóm của H đến sân bóng thôn Húng thì gặp nhóm của Th gồm: Lê Văn Th, Lương Ngọc T, Lê Văn Q, Lê Văn Nghĩa, Cao Quốc C và Lò Văn Th2 đang đứng chờ, sau khi thống nhất, cả hội cùng đi vào chòi canh của gia đình ông Lê Văn T2 (là bố đẻ Lê Văn Q) cách đó khoảng 01 km để đánh bạc.

Tại chòi canh của gia đình ông T2, Đ và Ch sử dụng 01 chiếc kéo cắt vỏ bao thuốc lá thành 04 hình tròn làm quân vị, các bị cáo lấy bát, đĩa có sẵn trong bếp làm dụng cụ đánh bạc. Khi bắt đầu đánh bạc, H1 là người cầm cái và nhận đặt cược với các bị cáo H, Đ, Ch, H2, Th, T, Lê Văn Q và Nghĩa; còn H4, H3, C và Th2 đứng ngoài xem. Lê Văn Q có 10.000 đồng tham gia được 01 ván, Nghĩa có 50.000 đồng tham gia được 03 ván, Ch có 300.000 đồng tham gia được khoảng 30 phút, Đ cho H4 100.000 đồng để đánh bạc, cả bốn người này đều thua hết tiền nên nghỉ trước và đứng ngoài xem. H3 thấy Đ thắng nên vay của Đ 1.000.000 đồng, cùng lúc này có Vi Văn Q, Vi Hồng Q1 đến và cả ba người cùng tham gia đánh bạc. Trong suốt thời gian đánh bạc Lương Văn H1, Lê Văn H và Lê Văn Th thay nhau cầm cái, nhận đặt cược với các bị cáo khác.

Trong lúc đánh bạc, Th đề nghị mỗi người tham gia đánh bạc góp 100.000

đồng để mua gà của gia đình Lê Văn Q làm thịt, nấu cháo cùng nhau ăn, các bị cáo H1, H, Đ đồng ý và mỗi người nộp cho Th 100.000 đồng; còn Cao Quốc C được các bị cáo khác nhờ, nên đi ra đường cách chòi canh 30m để canh gác cho các bị cáo đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa. Cách thức chơi và tính thắng thua như sau: Người cầm cái cho 04 quân vị vào đĩa và úp bát lại rồi xóc (lắc) bộ bát đĩa bên trong có các quân vị, sau đó đặt xuống chiếu cho những người chơi đặt cửa. Người chơi có thể chọn đặt cửa “Chẵn” hoặc cửa “Lẻ”, khi người chơi đã chọn cửa “Chẵn” hoặc cửa “Lẻ” thì đặt tiền vào cửa đã chọn. Số tiền đặt cửa tối thiểu là 10.000 đồng, không giới hạn mức tối đa. Sau khi những người chơi đặt cửa xong thì người cầm cái hoặc bất kỳ người nào trong số những người chơi sẽ mở bát để xác định “Chẵn”, “Lẻ” và xác định thắng thua. Việc xác định “Chẵn”, “Lẻ” được căn cứ vào màu của mặt ngửa lên của các quân vị. Nếu cả 04 quân vị cùng màu hoặc có 02 quân vị cùng một màu, 02 quân vị còn lại có cùng màu khác thì xác định là ván “Chẵn”; Nếu có 03 quân vị cùng màu và 01 quân vị còn lại có màu khác thì xác định là ván “Lẻ”. Trong ván “Chẵn” thì những người đặt cửa “Chẵn” là người thắng và được nhận lại tiền đã đặt cửa và một số tiền bằng số tiền đã đặt cửa từ người cầm cái, những người đặt cửa “Lẻ” là những người thua và bị mất số tiền đã đặt cửa cho người cầm cái. Đối với ván “Lẻ” thì những người đặt cửa “Lẻ” thắng, người đặt cửa “Chẵn” thua và cách thanh toán tiền thắng - thua tương tự như ván “Chẵn”.

Đến khoảng 02 giờ ngày 22/3/2022, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an xã Giao Thiện bắt quả tang. H và T bị bắt cùng toàn bộ vật chứng của vụ án đưa về trụ sở Công an xã Giao Thiện; còn H1, Đ, Ch, H2, Th, Lê Văn Q, Nghĩa, H4, H3, Vi Văn Q, Q1, C bỏ chạy khỏi địa điểm đánh bạc. Đến sáng ngày 22/3/2022, căn cứ lời khai của H và T, Công an xã Giao Thiện đã triệu tập các bị cáo đến để làm việc. Theo lời khai của các bị cáo, tổng số tiền các bị cáo mang theo để đánh bạc là: 10.794.000 đồng (trong đó, Th: 1.500.000 đồng; H: 4.534.000 đồng; H1: 900.000 đồng; Ch: 300.000 đồng; Đ: 700.000 đồng; H2: 1.500.000 đồng; Q1: 300.000 đồng; T: 700.000 đồng; Vi Văn Q: 300.000 đồng; Nghĩa: 50.000 đồng; Lê Văn Q: 10.000 đồng). Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có căn cứ xác định số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 12.827.000 đồng (trong đó, thu trên chiếu bạc: 1.900.000 đồng; thu trên người H: 5.047.000 đồng; thu trên người T: 270.000 đồng; Đ tự nguyện giao nộp: 500.000 đồng; Q1 tự nguyện giao nộp: 60.000 đồng; H2 tự nguyện giao nộp: 5.050.000 đồng).

Về vật chứng của vụ án:

- 01 bát sứ ăn cơm; 01 đĩa sứ hình tròn; 04 mảnh giấy hình tròn, đường kính 02cm được cắt từ vỏ bao thuốc lá;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, kiểu loại F7, màu đen, số IMEI 1: 869383035693274, số IMEI 2: 869383035693266, điện thoại đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, kiểu loại 105, màu đen, số IMEI: 357927/04/879796/6, điện thoại đã qua sử dụng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu loại Blade, biển số đăng ký 36H1-069.94, số khung: RLHJA3636GY119610, số máy: JA36E0695065;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu loại Sirius, biển số đăng ký 36H1-075.83, số khung: RLCUE3210JY246974, số máy: E3X9E58705;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu loại Wave, biển số đăng ký 36H1-096.09, số khung: RLHJA3922MY042992, số máy: JA39E2160289;

- 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 36-000447, do Công an huyện Lang Chánh cấp ngày 12/3/2021, tên chủ xe Lê Văn H2;

- Thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.827.000 đồng.

Toàn bộ vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

- Đối với Lê Văn Nghĩa, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can về tội Đánh bạc. Trong quá trình điều tra, Nghĩa có biểu hiện bệnh lý tâm thần, nên Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Nghĩa, nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan điều tra đã tách vụ án đối với hành vi của Nghĩa để giải quyết bằng vụ án khác.

- Đối với ông Lê Văn T2, tối 21/3/2022 ông T2 đã nhờ con trai là Lê Văn Q và cháu trai là Lò Văn Th2 vào chòi ngủ để trông đôi và vật nuôi giúp ông, ông T2 không biết các bị cáo sử dụng chòi canh của gia đình ông để đánh bạc. Đối với anh Lò Văn Th2, được ông T2 nhờ vào chòi ngủ cùng Lê Văn Q, anh Th2 chỉ đứng ngoài xem mà không tham gia đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông T2 và anh Th2.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-LC ngày 26/8/2022 của VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q, Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của BLHS đối với tất cả các bị cáo; áp dụng Điều 65 của BLHS đối với Th, H, H1, Đ, H2, T và Lê Văn Q; áp dụng Điều 36 của BLHS đối với H3, Ch, Vi Văn Q, Q1, H4 và C. Xử phạt Lê Văn Th và Lê Văn H mỗi bị cáo từ 12 (*Mười hai*) đến 15 (*Mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (*Hai mươi tư*) đến 30 (*Ba mươi*) tháng; Lương Văn H1 và Lê Văn Đ mỗi bị cáo từ 09 (*Chín*) đến 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (*Mười tám*) đến 24 (*Hai mươi tư*) tháng; Lê Văn H2, Lương Ngọc T và Lê Văn Q mỗi bị cáo từ 06 (*Sáu*) đến 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (*Mười hai*) đến 18 (*Mười tám*) tháng. Xử phạt Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4 và Cao Quốc C mỗi bị cáo từ 06 (*Sáu*) đến 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khẩu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án cho các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ. Miễn hình phạt bổ sung cho tất cả các bị cáo. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền

12.827.000 đồng và 02 điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 bát sứ ăn cơm; 01 đĩa sứ hình tròn và 04 quân vị bằng giấy là công cụ phạm tội. Trả lại 03 xe mô tô và 01 Giấy đăng ký xe mô tô cho chị Lang Thị Th1, ông Lê Văn T1 và bị cáo Lê Văn H2. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn H3 và Lê Văn H thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và điều luật áp dụng; về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đối với Lê Văn Th, Lê Văn H3 và Lê Văn H; đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp và miễn hình phạt bổ sung cho Th, H3 và H.

Các bị cáo thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt chính và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q, Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C thành khẩn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 00 phút ngày 21/3/2022 đến 02 giờ 00 phút ngày 22/3/2022, tại chòi canh của gia đình ông Lê Văn T2, ở khu vực Hón Sét thuộc thôn H, xã GT, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá, các bị cáo Th, H, H1, Đ, H2, T, Lê Văn Q, H3, Ch, Vi Văn Q, Q1, H4 cùng tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi sóc đĩa, được thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 12.827.000 đồng. Riêng Cao Quốc C không tham gia đánh bạc, nhưng thực hiện việc canh gác và cảnh báo cho các bị cáo khác khi phát hiện có lực lượng chức năng, nên C là đồng phạm trong vụ án đánh bạc với vai trò giúp sức. Ngoài hành vi đánh bạc, Lê Văn Q còn cho các bị cáo khác sử dụng chòi canh của gia đình mình làm địa điểm đánh bạc; Lê Văn Th thu tiền của các bị cáo khác để mua đồ ăn đêm; Lê Văn Đ cho H3 và H4 mượn tiền để đánh bạc, nhưng không có mục

đích vụ lợi, nên không xem xét. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Đánh bạc*”. Số tiền sử dụng để đánh bạc trên năm triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công cuộc xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm, đấu tranh loại trừ các tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của BLHS.

[4]. Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo. Các bị cáo cùng tham gia đánh bạc, không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Lê Văn Th là người khởi sự, Lê Văn Th và Lê Văn H rủ rê người khác đánh bạc, khi đánh bạc Th và H là người cầm cái và tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt nên có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo khác; Lương Văn H1 là người cầm cái, Lê Văn Đ ngoài việc đánh bạc còn cho H4 và H3 mượn tiền, tạo điều kiện cho H3 và H4 tham gia đánh bạc, H1 và Đ tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt nên có vai trò thứ hai; Lê Văn H2, Lương Ngọc T đánh bạc với số tiền nhiều hơn các bị cáo còn lại, tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt, Lê Văn Q ngoài việc đánh bạc còn sử dụng chòi canh của gia đình mình làm nơi đánh bạc, nên H2, T và Lê Văn Q cùng có vai trò thứ ba; Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4 tham gia đánh bạc với số tiền ít và thời gian ngắn hơn các bị cáo khác, riêng Cao Quốc C chỉ vì nể nang mà canh gác giúp các bị cáo khác, không vì mục đích vụ lợi, nên H3, Ch, Vi Văn Q, Q1, H4 và C có vai trò thứ tư và phải chịu trách nhiệm thấp hơn các bị cáo khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS, để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Các bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất thời phạm tội; có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của BLHS đối với Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q cho các bị cáo được hưởng án treo; áp dụng Điều 36 của BLHS để phạt cải tạo không giam giữ đối với Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C và giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, thời gian cải tạo không

giám giữ cũng đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo, học tập trở thành người tốt.

[6]. Về khấu trừ thu nhập của người bị phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành án: Các bị cáo Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C không có việc làm và thu nhập ổn định, là thành viên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ, nên xem xét miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q, Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C dùng tiền làm phương tiện phạm tội, sát phạt lẫn nhau, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế của gia đình, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Tuy nhiên, xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo thấy, các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, đều thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; riêng bị cáo H3 còn được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người bị Bệnh tan máu bẩm sinh, nên căn cứ khoản 2 Điều 50 của BLHS xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Đối với Lê Văn Nghĩa, Cơ quan điều tra tách vụ án đối với hành vi của Nghĩa để giải quyết bằng vụ án khác, nên không xem xét trong vụ án này.

- Đối với ông Lê Văn T2 và Lò Văn Th2, ông T2 không biết các bị cáo sử dụng chòi cảnh của gia đình ông để đánh bạc; anh Th2 biết các bị cáo đánh bạc, nhưng không tham gia đánh bạc, hành vi của anh Th2 không thuộc trường hợp quy định tại Điều 390 của BLHS nên không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm”, nên không xử lý đối với ông T2 và anh Th2.

[8]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc bị thu giữ là 12.827.000 đồng; 02 chiếc điện thoại di động Lê Văn Th và Lê Văn H sử dụng liên lạc để rủ nhau đánh bạc là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- 01 bát sứ ăn cơm; 01 đĩa sứ hình tròn và 04 mảnh giấy hình tròn, đường kính 02cm là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 03 xe mô tô và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, các bị cáo Th, Ch và H2 đã sử dụng để đi đến địa điểm đánh bạc, là tài sản của chị Lang Thị Th1, ông Lê Văn T1 và bị cáo Lê Văn H2. Các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc, nên trả lại cho chị Th1, ông T1 và bị cáo H2.

[9]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê

Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q, Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và khoản 2 Điều 50 của BLHS đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng Điều 65 của BLHS đối với Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q. Áp dụng Điều 36 của BLHS đối với Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn Th 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn H 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lương Văn H1 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn Đ 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn H2 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lương Ngọc T 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn Q 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q cho UBND xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn H3 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ,

- Bị cáo Lê Văn Ch 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ,

- Bị cáo Vi Văn Q 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ,

- Bị cáo Vi Hồng Q1 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ,

- Bị cáo Phạm Văn H4 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ,

- Bị cáo Cao Quốc C 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ,

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ

chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án cho các bị cáo.

Giao các bị cáo Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C cho UBND xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung cho Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q, Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4, Cao Quốc C.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.827.000đ (*Mười hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng*). Số tiền trên đang lưu giữ tại tài khoản số 3509 203 000 013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Giấy nộp tiền, do Ngân hàng Nông nghiệp huyện Lang Chánh lập ngày 22/9/2022.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, kiểu loại F7, màu đen, số IMEI 1: 869383035693274, số IMEI 2: 869383035693266, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, kiểu loại 105, màu đen, số IMEI: 357927/04/879796/6, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 bát sứ ăn cơm; 01 đĩa sứ hình tròn; 04 mảnh giấy hình tròn, đường kính 02cm được cắt từ vỏ bao thuốc lá.

- Trả lại cho bị cáo và đương sự số tài sản, gồm:

+ Trả lại cho chị Lang Thị Th1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu loại Blade, biển số đăng ký 36H1-069.94, số khung: RLHJA3636GY119610, số máy: JA36E0695065;

+ Trả lại cho ông Lê Văn T1 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu loại Sirius, biển số đăng ký 36H1-075.83, số khung: RLCUE3210JY246974, số máy: E3X9E584705;

+ Trả lại cho Lê Văn H2 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu loại Wave, biển số đăng ký 36H1-096.09, số khung: RLHJA3922MY042992, số máy: JA39E2160289; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 36-000447, do Công an huyện Lang Chánh cấp ngày 12/3/2021.

Các vật chứng, tài sản trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 22/9/2022.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với Lê Văn Th, Lê Văn H, Lương Văn H1, Lê Văn Đ, Lê Văn H2, Lương Ngọc T, Lê Văn Q, Lê Văn H3, Lê Văn Ch, Vi Văn Q, Vi Hồng Q1, Phạm Văn H4 và Cao Quốc C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H; vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Th, Lê Văn H3. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám